TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST Ngày: 31-7-2019. "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết Nga.
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 31/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2019 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Phạm Văn T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ 10, ấp H, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn T sống chung như vợ chồng từ tháng 6 năm 1998, đến ngày 06/6/2000 có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (giấy chứng nhận kết hôn số 23).

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N và anh T bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, vợ chồng cố gắng động viên cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng tình trạng bất đồng quan điểm sống của vợ chồng không khắc phục được. Năm 2010, chị N nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng sống xa nhau đến nay và không còn liên hệ nhau. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 21/10/1999. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng.

Đối với anh Phạm Văn T, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn anh Phạm Văn T có địa chỉ tại xã M, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và anh T cũng không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn T được xác lập vào năm 2000, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, thành phố C ngày 06/6/2000 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp

luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T không có mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án và không trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng xa nhau đã 09 năm nhưng không hàn gắn tình cảm, mỗi người có cuộc sống riêng ổn định, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị N được ly hôn với anh T.

[3] Xét con chung**:** Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn T có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 21/10/1999, hiện con chung đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị N trình bày, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; anh T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008723 ngày 18/4/2019 của Cơ quan Thi

hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (do Nguyễn Văn a nộp thay), như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Bản án có hiệu lực thi hành ngày 13/9/2019.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã Mỹ Tân, TPCL (số 23, ngày 06/6/2000, Quyển số 1)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh